

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2019/HS-PT

Ngày: 10-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn

Ông Trần Nam Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 363/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Vũ Thị L do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 407/2018/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Họ và tên: **Vũ Thị L**, sinh năm 1985, nơi sinh: Nam Định; HKTT: Thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: khu phố B, phường L1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn K, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1954; có chồng tên Tiết Hữu T, sinh năm 1974, có 02 con sinh năm 2012 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị L:

1. Luật sư **Nguyễn Thanh T1** thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt khi tuyên án)

2. Luật sư **Nguyễn Thị H** thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt khi tuyên án)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tổng Công ty Cổ phần may V.

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T2 – Chức danh Tổng Giám đốc. Ủy quyền cho ông **Phạm Thế T3** - Chức vụ Phó phòng kinh doanh nội địa 1, Tổng Công ty Cổ phần may V (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018). (Có mặt)

2. Ông Tiết Hữu T, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: khu phố B, phường L1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Giám định viên:

1. Ông Trần Minh H1, sinh năm 1967; (Vắng mặt khi tuyên án)

2. Ông Lê Phúc B, sinh năm 1974; (Vắng mặt khi tuyên án)

3. Ông Hoàng Vĩnh P, sinh năm 1986. (Vắng mặt khi tuyên án)

- Điều tra viên:

1. Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1968 – Điều tra viên thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. (Có mặt)

2. Ông Trần Đức D, sinh năm 1981 – Điều tra viên thuộc phòng PC 46 Công an tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị L là chủ cửa hàng kinh doanh quần áo may sẵn ở địa chỉ khu phố M, phường T, thành phố B1 (không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), không có ký hợp đồng làm đại lý với Tổng Công ty Cổ phần may V, mọi hoạt động quản lý, kinh doanh tại cửa hàng đều do L điều hành.

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến 2016, Vũ Thị L có mua sản phẩm quần, áo mang nhãn hiệu V của các đối tượng tên T4, V, T5 (không rõ họ, địa chỉ

tại xã G, huyện T) và cửa hàng Đại lý chợ T1, phường T, quận T1, thành phố Hồ Chí Minh về bán kiểm lời, việc mua bán không có hóa đơn chứng từ hợp lệ chứng minh nguồn gốc. Ngày 21/06/2016, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai tiến hành kiểm tra cửa hàng mua bán quần áo may sẵn của Vũ Thị L tại khu phố M, phường T, thành phố B1 thì phát hiện cửa hàng không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tại cửa hàng có bán nhiều quần, áo mang nhãn hiệu V không có hóa đơn chứng từ hợp pháp có dấu hiệu là hàng giả và nhiều quần áo nhãn hiệu khác. Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai đã lập biên bản tạm giữ 101 cái áo dài tay, ngắn tay và 96 cái quần dài mang nhãn hiệu V và nhiều sản phẩm quần áo mang nhãn hiệu khác để điều tra làm rõ.

Vật chứng trong vụ án:

- 96 cái quần dài mang nhãn hiệu V, 101 cái áo dài tay, ngắn tay mang nhãn hiệu V.

- 1088 quần áo các loại của nhiều nhãn hiệu Vĩnh Tiên, Việt Long, Zaraman, Vashell, Khatoco và nhiều loại khác.

Tại kết luận giám định số 548/KLGD ngày 17/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: “101 cái áo, 96 cái quần mang nhãn hiệu V gửi đến giám định thì có 89 cái áo và 85 cái quần mang nhãn hiệu V là giả; có 12 cái áo và 11 cái quần mang nhãn hiệu V là thật”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2035/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 03/05/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: “174 cái quần áo giả nhãn hiệu V thu giữ tại cửa hàng của Vũ Thị L làm chủ, trị giá 70.840.000đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)”.

Ngày 06/07/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 756/QĐ-VKS-P3, chuyển hồ sơ vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC46) Công an tỉnh Đồng Nai đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/7/2018, bị cáo Vũ Thị L cung cấp một số hóa đơn bán lẻ và hóa đơn giá trị gia tăng của một số cửa hàng bị cáo L đã mua để chứng minh nguồn gốc số quần, áo may sẵn mang nhãn hiệu V từ nhiều các cửa hàng (cơ sở) khác nhau.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tiến hành xác minh số cửa hàng, đại lý theo 27 tờ hóa đơn mà Vũ Thị L cung cấp tại phiên tòa. Kết quả xác định 8/18 cửa hàng, đại lý ghi trong 11 hóa đơn là không có địa chỉ cửa hàng bán quần áo như trong hóa đơn. Làm việc với 10 cửa hàng đang hoạt động kinh doanh, được các chủ cửa hàng xác định cửa hàng không bán sản phẩm quần áo may sẵn nhãn hiệu V và cũng không bán quần áo may sẵn nhãn hiệu V cho người nào tên Vũ Thị L và cũng không biết Vũ Thị L là ai.

Ngày 10/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung nhãn hàng hóa đối với 89 áo mang nhãn hiệu V và 85 cái quần dài mang nhãn hiệu V.

Tại kết luận giám định số 380B/KLGD ngày 16/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: “168 nhãn hàng hóa có chữ V đính trên các mẫu vật (quần, áo) nêu ở phần Mẫu cần giám định (được Phòng PC54 ghi ký hiệu từ A1 đến A85, từ A90 đến A172) đều là giả; Không tiến hành giám định 06 mẫu vật (quần, áo) nêu ở phần Mẫu cần giám định (được Phòng PC54 ghi ký hiệu A86, A87, A88, A89, A173, A174) vì không có nhãn hàng hóa đính kèm”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 407/2018/HS-ST ngày 07/11/2018 của TAND thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: bị cáo Vũ Thị L 100.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/11/2018, bị cáo Vũ Thị L kháng cáo kêu oan. Cùng ngày 19/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa kháng nghị đề nghị chuyển hình phạt giam đối với bị cáo L. Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị L không thừa nhận hành vi buôn bán hàng giả, bị cáo cho rằng khi mua các sản phẩm quần áo mang nhãn hiệu V thì bị cáo không được những người bán chỉ dẫn cách nhận biết sản phẩm thật giả của quần áo V, nên bị cáo không biết các sản phẩm quần áo mang nhãn hiệu V mà bị cáo đã bày bán tại cửa hàng bị thu giữ là giả nhãn hiệu V và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, vì không khách quan.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, giám định viên, điều tra viên thể hiện bị cáo Vũ Thị L có cửa hàng tại địa chỉ khu phố M, phường T, thành phố B1 buôn bán quần áo may sẵn trong đó có nhãn hiệu V. Ngày 21/6/2016 đoàn kiểm tra của Cơ quan cảnh sát điều tra PC 46 đã kiểm tra và thu giữ tại cửa hàng của bị cáo L 101 áo dài tay, ngắn tay và 96 quần dài (không có hóa đơn chứng từ). Việc kiểm tra khám xét đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định pháp luật. Do trong quá trình điều tra bị cáo và ông T (chồng bị cáo) là đại diện của bị cáo không phối hợp thực hiện kiểm tra nên Cơ quan điều tra đã lập biên bản có sự chứng kiến của chủ nhà nơi bị cáo thuê là đúng quy định pháp luật. Từ những chứng cứ nêu trên đã có cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự như bản án hình sự sơ thẩm đã nêu. Việc bị cáo khai nại và quan điểm của các Luật sư nêu tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ chấp nhận, giai đoạn điều tra bị cáo khai không có hóa đơn, chứng từ, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cung cấp các hóa đơn chứng từ về nguồn gốc quần áo bị cáo mua nhưng Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa chỉ bị cáo cung cấp lại không có người bán. Do bị cáo quanh co, chối tội, không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, chuyển từ hình phạt tiền sang hình phạt tù giam đối với bị cáo Vũ Thị L.

Luật sư Nguyễn Thị H bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm:

Bản án hình sự sơ thẩm dựa vào nội dung kết luận giám định số 548/KLGD ngày 17/02/2017 của Công an tỉnh Đồng Nai, nhưng lại viện dẫn sai tinh thần của kết luận giám định. Tại phiên tòa phúc thẩm, Điều tra viên cho rằng căn cứ đơn tố cáo của Công ty V nên cơ quan điều tra tiến hành khám xét cửa hàng bán quần áo của bị cáo L nhưng hồ sơ không có đơn tố cáo, cần làm rõ. Quyết định trưng cầu giám định số 195/QĐTCGD-PC46 ngày 25/7/2016 (bút lục 180) là quyết định trưng cầu giám định chính. Còn các quyết định trưng cầu giám định sau là quyết định trưng cầu bổ sung, dựa vào quyết định trưng cầu giám định số 195/QĐTCGD-PC46. Nhưng hồ sơ thể hiện có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vì quyết định trưng cầu giám định số 195/QĐTCGD-PC46 chỉ có trang đầu, không có mẫu so sánh, không có nội dung yêu cầu giám định, việc sao chụp quyết định này ở hồ sơ khác đưa vào hồ sơ này là không đúng. Kết luận giám định 301/KLGD ngày 15/8/2016 là giám

định hàng hóa tại ba cửa hàng ở địa điểm khác nhau của vụ án khác. Quyết định trưng cầu giám định 195/QĐTCGD-PC46 không đúng quy định về hình thức và không liên quan đến cửa hàng của bị cáo L nhưng Cơ quan điều tra đã sử dụng kết luận giám định này để khởi tố bị cáo là vi phạm. Ngoài ra, hồ sơ không có biên bản thu thập mẫu giám định. Đến lần giám định thứ ba mới lập biên bản thu thập mẫu giám định vào ngày 13/8/2018 với Công ty V nhưng ngày 10/8/2018 đã lập biên bản giao mẫu với Cơ quan giám định là không đúng. Trong khi ngày 23/8/2016 ông T mới được mời lên mở niêm phong. Theo quy định phải có mặt chứng kiến của những người niêm phong để mở niêm phong nhưng lại mời ông T mà không mời những người này. Mặt khác, tại bút lục 57 thể hiện, khi mở niêm phong Điều tra viên đã lập biên bản ghi rõ do hết giờ làm việc nên niêm phong lại, có chữ ký ông T và cho ông T ra về. Nhưng 12 giờ 50 phút cùng ngày Điều tra viên lại mời nhân chứng là người thực hiện niêm phong chứng kiến ông T không đồng ý niêm phong là vi phạm. Từ ngày 21/6/2016 đến nay không mở niêm phong thì tại sao có danh sách liệt kê từng mã sản phẩm để tiến hành giám định và định giá hàng hóa. Khi Cơ quan điều tra thực hiện khám xét có mặt ông Nhờ là đại diện của Công ty V nhưng hồ sơ không thể hiện ông Nhờ được đại diện theo ủy quyền. Vậy cơ sở nào để đưa ông Nhờ vào chứng kiến việc kiểm tra và đưa ra những hàng hóa vi phạm. Ông Kiệt không được phép ủy quyền lại nhưng lại ủy quyền cho ông Phạm Thế T3 nên những lời trình bày của ông T3 đều vô hiệu. Ông T3 chỉ có tư cách tham gia tố tụng từ ngày 01/9/2018. Khi cơ quan điều tra thu giữ thì phải lập biên bản và thu giữ riêng nhưng lại nhập nhằng với hàng hóa bắt tại cửa hàng của Tiết Thị Kim Ngân. Bản thân bị cáo không thể nhận biết được hàng giả bằng mắt thường trong khi cấu thành tội “Buôn bán hàng giả” là phải biết hàng giả và mục đích buôn bán ảnh hưởng đến thị trường. Bị cáo chỉ là người bán nhỏ lẻ. Do đó cần xem lại quan điểm buộc tội bị cáo của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Vũ Thị L không phạm tội “Buôn bán hàng giả”.

Đồng tình với quan điểm của Luật sư H, Luật sư Nguyễn Thanh T1 còn nêu:

Vụ việc xảy ra ngày 21/6/2016 Cơ quan điều tra tiến hành khám xét cửa hàng của bị cáo Vũ Thị L nhưng trình tự thủ tục thu giữ, niêm phong, mở niêm phong, lấy mẫu giám định và các biên bản được lập không đúng quy định pháp luật. Có những người tham gia được ghi trong biên bản nhưng không ký tên, có

những người ký tên nhưng không được ghi tên trong biên bản. Mặc dù tại phiên tòa Điều tra viên lý giải rằng những người này có công tác đột xuất nhưng trình bày này là không khách quan, không đúng sự việc vì ngoài vụ án này còn có vụ án Tiết Thị Kim Ngân đều có những sai sót như nhau. Tài liệu, chứng cứ ban đầu thu thập không đủ cơ sở thì cũng không đủ căn cứ để kết luận. Hồ sơ thể hiện ngày 23/8/2018 Điều tra viên tiếp tục mở niêm phong và niêm phong lại để xác định hàng hóa nào của Công ty V nhưng những biên bản này lập vội vàng không đúng trình tự. Những bao hàng quan trọng được đánh dấu hàng hóa của Công ty V khi có mặt ông T lại không được mở ra đến khi ông T ra về mới lập biên bản niêm phong.

Về việc giám định các sản phẩm Công ty V có sự thay đổi nhất định, không có độ ổn định lâu dài, do đó việc lấy một tài liệu do Công ty V sản xuất chưa được đăng ký để đối chiếu với một sản phẩm khác tại thời điểm cụ thể thì không đủ cơ sở để xác định đúng sai.

Mặc dù cơ quan giám định đã có văn bản trả lời về thẩm quyền giám định nhưng về chuyên môn thì quy định pháp luật về giám định tài liệu không có quy định nào thể hiện giám định viên phòng kỹ thuật hình sự có thẩm quyền giám định nhãn hiệu, có thể giám định quy trình đúng hay sai nhưng không thể giám định nhãn hiệu đúng hay sai. Việc giám định nhãn hiệu hàng hóa là thuộc thẩm quyền của cục sở hữu trí tuệ.

Từ những căn cứ trên đề nghị hủy bản án sơ thẩm và tuyên bố bị cáo Vũ Thị L không phạm tội “Buôn bán hàng giả”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa làm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Thực hiện kế hoạch kiểm tra một số cửa hàng bán quần áo may sẵn trên địa bàn thành phố B1 trong đó có bán sản phẩm V. Ngày

21/6/2016 Cơ quan điều tra phòng PC 46 đã tiến hành kiểm tra tại địa chỉ khu phố M, phường T, thành phố B1 do Vũ Thị L làm chủ. Sau khi đọc thông báo kiểm tra Vũ Thị L không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại địa điểm kinh doanh, không có hợp đồng làm đại lý bán sản phẩm quần áo may sẵn với Tổng Công ty cổ phần may V. Đoàn kiểm tra đã tiến hành lập biên bản làm việc, biên bản niêm phong tại cửa hàng của bị cáo Vũ Thị L để làm cơ sở xử lý. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L khai nhận có mặt khi đoàn kiểm tra đến làm việc, nhưng trong quá trình làm việc, bị cáo đã bỏ đi với lý do đưa con đi khám bệnh, và tại cửa hàng không có người nhà, người phụ việc của bị cáo. Ngoài việc bị đoàn kiểm tra niêm phong cửa hàng, bị cáo còn bị mất số tiền hơn 300 triệu đồng nhưng chưa được Cơ quan tố tụng làm rõ. Bị cáo không “Buôn bán hàng giả”, quần áo mang nhãn hiệu V thu giữ tại cửa hàng của bị cáo đều có hóa đơn, chứng từ, nguồn gốc hàng hóa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Qua xem xét, chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng hồ sơ vụ án có một số vi phạm như:

2.1 Biên bản kiểm tra ngày 21/6/2016 (bút lục 44-45), biên bản niêm phong tại cửa hàng của Vũ Thị L ngày 21/6/2016 (bút lục 46-47) đã được lập không đúng quy định, người có tên theo biên bản không ký tên nhưng người ký tên lại không có mặt theo biên bản làm việc.

2.2 Ngày 21/6/2016 Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra và thu giữ hàng hóa tại cửa hàng của bị cáo Vũ Thị L nhưng Quyết định trưng cầu giám định số 195/QĐTCGD-PC46 ngày 25/7/2016 không trưng cầu giám định đối với hàng hóa của bị cáo L. Căn cứ để ra các quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 243/QĐTCGD-PC46 ngày 20/10/2016 và 459/QĐTCGĐBS ngày 10/8/2018 là căn cứ vào quyết định trưng cầu giám định số 195/QĐTCGD-PC46 ngày 25/7/2016 (quyết định đầu tiên) nhưng trong hồ sơ vụ án, quyết định này lại không ghi đầy đủ thông tin, chỉ là bản photo không được đóng dấu mộc theo quy định là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

2.3 Hồ sơ ban đầu không có biên bản thu thập mẫu giám định. Đến lần giám định thứ ba (ngày 13/8/2018) mới lập biên bản thu thập mẫu giám định với Công ty V, nhưng ngày 10/8/2018 đã có biên bản giao mẫu giám định với Cơ quan giám định là không đúng.

2.4 Trong hồ sơ còn thể hiện có hai quyết định trưng cầu định giá tài sản: Quyết định số 01/CQĐT-PC46 ngày 25/7/2016 kèm theo kết luận số 4418/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 29/9/2016, căn cứ để định giá là 101 cái áo và 96 cái quần (gồm cả hàng giả và hàng thật), thời điểm xác định giá tài sản là ngày 01/6/2016 trong khi hàng hóa tại cửa hàng bị cáo L bị thu giữ ngày 21/6/2016 là không phù hợp. Quyết định số 14/CQĐT-PC46 ngày 16/3/2017 kèm theo kết luận số 2035/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 03/5/2017), căn cứ để định giá là 174 quần áo (trong đó chỉ có 168 mẫu là giả, còn 06 mẫu không tiến hành giám định được). Tuy nhiên cấp sơ thẩm lại căn cứ kết luận định giá với cả 174 quần áo (gồm cả 06 mẫu không giám định được) với số tiền định giá là 70.840.000đ là không có lợi cho bị cáo.

2.5 Hồ sơ thể hiện ngày 23/8/2016 Cơ quan điều tra tiến hành mời ông Tiết Hữu T đến mở niêm phong hàng hóa thu giữ tại cửa hàng của bị cáo Vũ Thị L nhưng do hết thời gian làm việc nên Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong lại số hàng hóa trên. Sau đó Cơ quan điều tra không mở niêm phong lại được vì lý do nhiều lần mời bị cáo L và người đại diện làm việc nhưng không được. Tại phiên tòa phúc thẩm, Điều tra viên trình bày đã cùng với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo Vũ Thị L và những người làm chứng mở niêm phong lại số hàng hóa thu giữ tại cửa hàng. Tuy nhiên hồ sơ vụ án không thể hiện có biên bản này. Mặc dù không có biên bản mở niêm phong nhưng tại hai kết luận định giá tài sản số 4418/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 29/9/2016 và số 2035/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 03/5/2017 đều có bảng kê tang vật là vi phạm.

2.6 Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo L cho rằng mình không phạm tội. Bị cáo bán quần áo nhãn hiệu V đều có hóa đơn, chứng từ nhưng cấp sơ thẩm lại không cho tiến hành đối chất, nhận dạng giữa bị cáo L và những người liên quan (đại lý V) đã bán quần áo cho bị cáo L để làm rõ nguồn gốc hàng hóa bị cáo mua là có thiếu sót. Mặt khác, ông T là chồng bị cáo L, trong quá trình điều tra do bị cáo L nuôi con nhỏ đã ủy quyền cho ông T đại diện làm việc với các cơ quan tiến hành tố tụng nhưng cấp sơ thẩm lại xác định ông T là người làm chứng là không chính xác.

Với những sai sót và vi phạm nêu trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được, nên cần hủy bản án hình sự sơ thẩm số 407/2018/HS-ST ngày 07

tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về án phí: Về án phí: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm bào chữa của các Luật sư bào chữa cho bị cáo về một số vi phạm tố tụng phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 407/2018/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa để điều tra xét xử lại theo thủ tục chung.

Bị cáo Vũ Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP.Biên Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

(đã ký)

Lê Hồng Hương